

HƯỚNG DẪN HỌC SINH KHỐI 9 TỰ HỌC – TUẦN 4

Chủ đề: **TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU** (8 tiết)

Phần hướng dẫn - Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi bài</u> . - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập , sau đó ghi bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
	TIẾT ____: TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU
<i>Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc Việt Nam, là danh nhân văn hóa thế giới. Nói đến ông, ta không thể nào quên được tác phẩm “Truyện Kiều”. Vậy bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm nổi tiếng của ông.</i>	
Em hãy đọc phần I/SGK- trang 77,78 và tìm hiểu các nội dung sau: Trình bày những nét chính về Nguyễn Du: gia đình, thời đại, cuộc đời.	I. TÁC GIẢ NGUYỄN DU - (1765 - 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. - Quê gốc làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh - Sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học. - Cuộc đời ông gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX. - Có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc. - Sự nghiệp văn học gồm nhiều tác phẩm có giá trị bằng chữ Hán và chữ Nôm.
	II. TÁC PHẨM TRUYỆN KIỀU

H: Truyện Kiều có nguồn gốc từ đâu? Em hãy đọc phần tóm tắt truyện Kiều và tóm tắt ngắn gọn theo bố cục: - Phần thứ nhất: gặp gỡ và đính ước - Phần thứ hai: gia biến và lưu lạc - Phần thứ ba: đoàn tụ Đọc văn bản phần giá trị nội dung và nghệ thuật. H: Truyện Kiều có những giá trị gì về nội dung và nghệ thuật?	1. Nguồn gốc: + Cốt truyện: Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. + Truyện Kiều có tên là Đoạn trường tân thanh. + Viết bằng chữ Nôm, thể thơ lục bát (6-8), gồm 3254 câu. 2. Tóm tắt Truyện Kiều: 3 phần (sgk) 3. Giá trị nội dung và nghệ thuật: a. Giá trị nội dung: - Truyện Kiều là bức tranh hiện thực về một xã hội bất công, tàn bạo, thương cảm trước số phận bi kịch của con người, khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và khát vọng chân chính của con người. b. Giá trị nghệ thuật: - Đỉnh cao của ngôn ngữ dân tộc và thể thơ lục bát. - Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc. - Nghệ thuật dẫn chuyện đến miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí con người.
	III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ SGK/9
H: Nhận xét của em về Nguyễn Du và Truyện Kiều.	* Ghi nhớ: SGK/ 80
	IV. LUYỆN TẬP
Viết đoạn văn (8- 10 câu) giải thích vì sao nói Nguyễn Du có công sáng tạo lớn trong Truyện Kiều.	HS hoàn thành đoạn văn vào tập.

• Gợi ý -Mở đoạn: giới thiệu chung -Thân đoạn: những yếu tố thể hiện rõ sự sáng tạo của Nguyễn Du (từ văn xuôi trong Kim Vân Kiều truyện => thể thơ lục bát 3254 câu; ngôn ngữ; giọng thơ... có gì đặc biệt). Kết đoạn: cảm nghĩ chung	
	TIẾT ____: CHỊ EM THÚY KIỀU (Trích Truyện Kiều)
<i>Người phụ nữ xưa và nay luôn là đề tài sáng tác của các nhà văn, nhà thơ. Vẻ đẹp của họ luôn in đậm dấu ấn trong thơ, ca, nhạc, họa và mãi bất tử với thời gian. Họ đã góp phần làm nên vẻ đẹp của văn hóa dân tộc. Để miêu tả, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ đã có nhiều nhà văn, nhà thơ thành công xuất sắc, trong số đó phải kể tới đại thi hào Nguyễn Du. Chỉ bằng vài nét chấm phá kết hợp với bút pháp ước lệ, Nguyễn Du đã khắc họa chân dung tuyệt đẹp của Thúy Vân và Thúy Kiều qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”.</i>	
	I. TÌM HIỂU CHUNG
Các em hãy mở SGK ngữ văn 9/tập 1/trang 81. Đọc kỹ đoạn trích và tìm hiểu các nội dung sau: H: Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm Truyện Kiều ?	1. Vị trí đoạn trích: Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” nằm ở phần mở đầu tác phẩm, giới thiệu vẻ đẹp của hai chị em Kiều. 2. Bố cục: 4 phần

H: Tác giả đã miêu tả Thúy Kiều như thế nào về nhan sắc? Về tài năng? H: Em nhận xét như thế nào về vẻ đẹp của Thúy Kiều? Học sinh lưu ý: Cách miêu tả về vẻ đẹp của chị em Kiều như ngầm dự báo số phận của hai chị em. Thúy Vân sống cuộc sống trong êm đềm. Thúy Kiều thì cuộc đời đầy sóng gió.	3. Vẻ đẹp của Thúy Kiều - Vẻ đẹp của Kiều nổi bật hơn so với Vân: “So bề tài sắc lại là phần hơn”. - Nhan sắc: + Đôi mắt trong như làn nước mùa thu, đôi lông mày đẹp thanh thoát như nét núi mùa xuân. + Vẻ đẹp khiến thiên nhiên phải ghen tị: “Hoa ghen..., liễu hờn...”. Đó như một lời dự báo trước về cuộc đời đầy truân chuyên. + Vẻ đẹp của một tuyệt sắc giai nhân: “Nghiêng nước nghiêng thành” - Tài năng: + Tài năng khó có ai sánh nổi: “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”. + Thông minh: “Thông minh vốn sẵn tính trời”. + Am hiểu về âm nhạc, thơ ca: “Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm”. ➔ Kiều đẹp toàn diện cả nhan sắc, tài năng.
H: Tác giả miêu tả cuộc sống của 2 chị em qua những từ ngữ nào? Nhận xét về cuộc sống đó?	4. Cuộc sống của chị em Kiều: - Cuộc sống phong lưu, nề nếp, yên bình.
Học sinh đọc lại phần ghi nhớ.	III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ SGK/83
	III. LUYỆN TẬP
Tự luận: Bút pháp ước lệ là gì? Lấy một ví dụ trong đoạn trích để làm rõ bút pháp này? Em có nhận xét gì về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du?	HS hoàn thành bài tập vào vở.
	TIẾT: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH (Trích Truyện Kiều)
Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú Bà mắng nhiếc, Kiều nhất	

quyết không chịu tiếp khách làng chơi, không chịu chấp nhận cuộc sống lầu xanh. Đau đớn tủi nhục, phẫn uất, nàng quyết định tự vẫn. Tú Bà sợ mất cả vốn lẫn lời bèn lựa lời khuyên giải dụ dỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả cho người tử tế. Tú Bà đưa Kiều ra sống riêng ở lầu Ngưng Bích thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu dâm tiện hơn, tàn bạo hơn. Để hiểu được tâm trạng của Kiều trong hoàn cảnh này, chúng ta cùng tìm hiểu bài học.	
	I. TÌM HIỂU CHUNG
H: Xác định vị trí đoạn trích? H: Xác định bố cục và nội dung từng phần trong đoạn trích? .	1. Vị trí đoạn trích - Đoạn trích nằm ở phần 2 (gia biến và lưu lạc). 2. Bố cục - Bố cục: 3 phần + 4 câu đầu: Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngưng Bích. + 8 câu sau: Nỗi nhớ của Kiều. + 8 câu cuối: Tâm trạng của Kiều
	II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN
Đọc 6 câu thơ đầu và trả lời câu hỏi: H: Sáu câu thơ đầu đã giới thiệu với người đọc điều gì? H: Hai từ “khóa xuân” trong câu thơ được hiểu như thế nào? H: Cảnh vật được miêu tả ra sao? H: Trong hoàn cảnh đó tâm trạng Kiều ra sao và được thể hiện qua những câu thơ nào?	1. Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngưng Bích. - Hoàn cảnh: Kiều đang bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích. - Cảnh lầu Ngưng Bích: không gian mênh mông, hoang vắng. Lầu Ngưng Bích chơi vơi giữa mênh mang trời nước. - Tâm trạng Kiều: xót xa, tủi hổ cho thân phận của mình.
Đọc 8 câu thơ tiếp và trả lời câu hỏi: H: Khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích	2. Nỗi nhớ của Kiều: * Nhớ Kim Trọng

Kiều đã nhớ tới những ai? H: Khi nhớ tới Kim Trọng, tâm trạng của Kiều như thế nào? H: Từ những chú thích và điển tích 8, 9, 10, 11 em nhận xét gì về nỗi nhớ cha mẹ của Thúy Kiều ?	-Đau đớn vì lời thề ước không thành, tưởng tượng ra Kim Trọng ngày đêm ngóng chờ mình. → Giữ tâm lòng son sắt, thủy chung. * Nhớ cha mẹ - Kiều hình dung cảnh tượng cha mẹ tựa cửa ngóng trông tin tức nàng. - Kiều day dứt, xót thương cha mẹ. → Người con hiếu thảo.
Học sinh làm Phiếu học tập số 2 Hãy đọc lại 8 câu thơ cuối và trả lời câu hỏi: - Tám câu cuối là bức tranh tâm trạng, mỗi một cặp câu thơ là một tâm trạng khác nhau của Kiều. -Em hãy phân tích từng cặp câu để thấy rõ tâm trạng của Kiều. (chú ý điệp ngữ, từ láy, phép tu từ, giọng điệu...)	3. Tâm trạng của Kiều: - Cảnh vật được miêu tả qua tâm trạng của Kiều. - Mỗi một cặp câu thơ thể hiện một tâm trạng: + Cảnh 1: Nhớ về quê hương và gia đình. + Cảnh 2: Nỗi buồn về số kiếp trôi nổi. + Cảnh 3: Nỗi cô đơn vô định. + Cảnh 4: Nỗi lo âu kinh sợ → Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, điệp ngữ, ẩn dụ, từ láy để diễn tả tâm trạng của Kiều ở nhiều cung bậc khác nhau.
	IV. LUYỆN TẬP
Tự luận: Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bút pháp “tả cảnh ngụ tình” của tác giả trong 8 câu cuối của đoạn trích.	- HS hoàn thành đoạn văn vào tập.
	CẢNH NGÀY XUÂN (Trích Truyện Kiều) (Khuyến khích tự đọc)
Nguyễn Du không chỉ là bậc thầy trong nghệ thuật miêu tả chân dung con người mà nhà thơ còn là bậc thầy trong việc tả cảnh thiên nhiên. Sau bức tranh chân dung hai nàng tố	

nga điểm lệ là bức tranh tả cảnh ngày xuân tháng 3 tuyệt vời. Vậy chúng ta sẽ cùng nhau khám phá bức tranh ấy qua đoạn trích “Cảnh ngày xuân”.	
H: Đoạn trích này nằm ở vị trí nào của Truyện Kiều? H: Đoạn trích chia làm mấy phần? Em hãy chú ý về trình tự thời gian của cuộc du xuân để chia bố cục cho hợp lí. -Bốn câu đầu: khung cảnh mùa xuân -Tám câu tiếp: khung cảnh lễ hội -Sáu câu cuối: cảnh ra về.	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Vị trí đoạn trích Thuộc phần đầu của tác phẩm truyện Kiều. 2. Bố cục: 3 phần theo trình tự thời gian của cuộc du xuân.
Em hãy đọc kỹ 4 câu thơ đầu đoạn trích và tìm hiểu: H: Bức tranh mùa xuân hiện lên như thế nào qua cách miêu tả của tác giả? (chú ý các hình ảnh: con én đưa thoi, thiều quang....) H: Em hiểu như thế nào về ý nghĩa hai câu thơ đầu? Nhận xét của em về vẻ đẹp thiên nhiên được miêu tả ở hai câu thơ cuối. (chú ý các từ ngữ; cỏ non xanh tậ, chân trời, cảnh lê trắng điểm..)	II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN 1. Khung cảnh mùa xuân: - con én đưa thoi - thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi => Xuân đã trôi qua hơn 60 ngày Cỏ non xanh tậ chân trời Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa => nghệ thuật chấm phá, khung cảnh mùa xuân trong lành, khoáng đạt, nhẹ nhàng, thanh khiết, tràn đầy sức sống dù đã cuối xuân
Đọc kỹ đoạn 2, tìm hiểu H: Những hoạt động lễ hội nào được nói tới trong đoạn thơ? (Hiểu được lễ tảo mộ, hội đạp thanh) H: Không khí lễ hội diễn ra như thế	2. Khung cảnh lễ hội: - Lễ tảo mộ => trang nghiêm, âm cúng - Hội đạp thanh => du xuân giữa không gian tuyệt đẹp, không khí tung bừng, đông vui, tấp nập, nhộn nhịp. => Tái hiện rõ nét văn hoá lễ hội xưa

nào? từ ngữ nào thể hiện rõ nhất?	
H: Cảnh vật lúc ra về được miêu tả như thế nào? Các từ láy có ý nghĩa biểu đạt như thế nào? (chú ý giá trị biểu cảm của các từ: tà tà, thanh thanh, nao nao, thơ thẩn)	3. Cảnh ra về: - Hai câu cuối khắc họa cảnh vật trên đường trở về. - Cảnh vật : thanh thanh, nao nao như mang tâm trạng của con người, bộc lộ cảm xúc nuối tiếc.
	III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ SGK/87
	IV. LUYỆN TẬP
Phân tích những thành công về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du trong 4 câu đầu của đoạn trích. (Viết đoạn văn 8- 10 câu)	- Học sinh hoàn thành bài tập vào vở.
	TIẾT__: - MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ - MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ - NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ (3 bài tích hợp thành 1)
Văn bản tự sự là những văn bản phản ánh cuộc sống bằng cách kể lại các sự việc theo một chuỗi liên tục có quá trình, có các mối liên hệ với nhau nhằm bộc lộ ý nghĩa, phơi bày mâu thuẫn thông qua việc khắc họa hình tượng các nhân vật. Khi viết văn bản tự sự, người ta thường thêm vào các yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm và nghị luận. Vậy để biết các yếu tố này được thêm vào như thế nào? nhằm mục đích gì ? Hôm nay, chúng ta cùng đi vào tìm hiểu bài mới.	
	I. MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

Đọc SGK trang 91, 92 phần ngữ liệu ở mục (1) và trả lời các câu hỏi ở mục (2) để thấy được: H: Yếu tố miêu tả có vai trò như thế nào đối với văn bản tự sự?	1. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự - Muốn cho văn bản tự sự (kể chuyện) sinh động, gợi cảm, hấp dẫn, người viết thường kết hợp thêm yếu tố miêu tả. 2. Kết luận: (Ghi nhớ SGK/trang 92)
Em hãy đọc kỹ lại đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích trang 93,94 và trả lời câu hỏi a, b,c SGK trang 117, ở mục (1) và nhận xét ngữ liệu ở mục (2). H: Hãy rút ra kết luận về yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.	II. MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ 1. Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự: - Miêu tả nội tâm là tái hiện những suy nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật trong tác phẩm tự sự. - Người ta có thể miêu tả nội tâm trực tiếp bằng cách tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật; cũng có thể miêu tả nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật. 2. Kết luận: (Ghi nhớ SGK/trang 117)
Em hãy đọc kỹ bài tập 1 và 2 SGK trang 137, 138 rồi lần lượt suy nghĩ trả lời các câu hỏi. Từ đó rút ra kết luận: yếu tố nghị luận có vai trò gì trong văn bản tự sự?	III. NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ 1. Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự: - Nghị luận là nêu lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ một quan điểm, tư tưởng (luận điểm) nào đó. - Các yếu tố nghị luận giúp cho bài văn trở nên thuyết phục, mang tính triết lí cao. 2. Kết luận: (Ghi nhớ SGK/trang 138)
1. Bài tập 1 (SGK trang 92) GV gợi ý: a. Chị em Thúy Kiều - Miêu tả Thúy Vân. - Miêu tả Thúy Kiều. → Làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Vân và Thúy Kiều. b. Cảnh ngày xuân - Hình ảnh tả cảnh. - Tả người.	IV. LUYỆN TẬP - Học sinh hoàn thành bài tập vào vở.

→ Miêu tả vẻ đẹp mùa xuân và không khí lễ hội rộn ràng, tươi vui. 2. Bài tập 3 (SGK trang 92) GV gợi ý: Tâm trạng của em sau khi gây ra lỗi lầm với bạn: - Ân hận, day dứt vì đã làm bạn buồn - Hối hận, vì đã gây ra làm tổn thương bạn - Muốn sửa lại lỗi lầm của mình. 3. Bài tập 3 (SGK trang 139) GV gợi ý: Lời văn trong đoạn trích (a), mục I.1 là lời của ông giáo. Ông giáo đang thuyết phục chính mình rằng vợ ông không ác để “chỉ buồn chứ không nổi giận”. HS hoàn thành các bài tập còn lại mục (II) SGK trang 92, 117, 139	
	TIẾT__: LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN
Để cho bài văn tự sự thêm phần triết lí người ta thường thêm vào văn bản tự sự yếu tố nghị luận có thể bằng cách nêu các ý kiến nhận xét, cùng những lí lẽ và dẫn chứng, thường được diễn đạt bằng hình thức lập luận. Để giúp các em vận dụng những kiến thức vào bài làm tự sự chúng ta cũng luyện tập.	
Em hãy mở SGK trang 160 đọc văn bản “Lỗi lầm và sự biết ơn” và trả lời các câu hỏi ở mục (2). Em hãy mở SGK trang 160, làm các	I. THỰC HÀNH TÌM HIỂU YẾU TỐ NGHỊ LUẬN TRONG ĐOẠN VĂN TỰ SỰ - Yếu tố nghị luận. - Vai trò (Xem lại ghi nhớ trang 138 SGK)

bài tập trong mục (1), (2). Bài tập 1 - GV gợi ý: + Đoạn văn gồm 3 phần: MĐ, TĐ, KĐ. + Buổi sinh hoạt lớp diễn ra như thế nào? + Nội dung của buổi sinh hoạt là gì? +Thuyết phục cả lớp với lý lẽ như thế nào? Bài tập 2 - GV gợi ý: + Người em kể là ai? + Người đó đã để lại một việc làm, lời nói hay một suy nghĩ ? Điều đó diễn ra trong hoàn cảnh nào? + Nội dung cụ thể là gì? Nội dung đó giản dị mà sâu sắc, cảm động như thế nào? + Suy nghĩ, bài học rút ra từ câu chuyện trên.	II. THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN 1. Bài tập 1 (SGK 161) - HS hoàn thành đoạn văn vào tập. 2. Bài tập 2 (SGK/ 161) - HS hoàn thành đoạn văn vào tập.
---	--

PHIẾU HỌC TẬP TRONG BÀI HỌC
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

	Thúy Vân	Thúy Kiều	Nhận xét/ Đánh giá
Giống nhau			
Khác nhau			
Thứ tự miêu tả, số câu thơ			
Ngoại hình			
Tài năng, tâm hồn			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

8 câu thơ cuối	Cảnh vật được miêu tả	Tâm trạng Thúy Kiều
<i>Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?</i>		
<i>Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác, biết là về đâu?</i>		
<i>Buồn trông gió cuốn mặt duềnh Âm ảm tiếng sóng kêu quanh ghé ngồi.</i>		
<i>Buồn trông gió cuốn mặt duềnh Âm ảm tiếng sóng kêu quanh ghé ngồi.</i>		